

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B 01a – CTQ)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B 02a – CTQ)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B 03a – CTQ)	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B 05a – CTQ)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B 09a – CTQ)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động	Số 08/UBCK-GPHĐQLQ ngày 25 tháng 10 năm 2006 Số 01/UBCK-GP ngày 17 tháng 7 năm 2007 Số 14/UBCK-GPĐC ngày 29 tháng 4 năm 2008 Số 28/UBCK-GPĐC ngày 11 tháng 12 năm 2008 Số 38/UBCK-GP ngày 19 tháng 3 năm 2009 Số 09/UBCK-GP ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh	Số 4103005204 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương Chủ tịch Ông Cung Trần Việt Thành viên Ông Phạm Gia Tuấn Thành viên Ông Nguyễn Hoàng Bảo Thành viên
Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật	Ông Phạm Gia Tuấn
Hoạt động chính	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
Trụ sở chính	Phòng 2303, Lầu 23, Tòa nhà Lim 9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày từ Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 43. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 5 tháng 8 năm 2016



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2016, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 5 tháng 8 năm 2016. Báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 11 đến trang 43.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào đáng lưu ý để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2013-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Hồ Ngọc Thăng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2013-006-1

Số hiệu báo cáo soát xét: **HCMxx**
TP. Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

Như đã nêu trong thuyết minh 3.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		140.838.651.999	134.111.566.430
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		50.337.999.291	67.941.903.872
111	Tiền	5.1	4.137.999.291	7.941.903.872
112	Các khoản tương đương tiền	5.2	46.200.000.000	60.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		80.615.673.521	56.569.799.805
121	Đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(i)	82.002.540.096	56.981.271.428
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	5.3(a)(ii)	(1.386.866.575)	(411.471.623)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.273.129.251	8.702.694.753
131	Phải thu khách hàng	5.4	6.000.000.000	6.000.000.000
132	Trả trước cho người bán		-	12.705.000
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.5	2.963.027.220	2.019.813.219
135	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.6	310.102.031	670.176.534
150	Tài sản ngắn hạn khác		611.849.936	897.168.000
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.7	266.081.799	123.008.126
154	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	5.10	345.768.137	774.159.874
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		18.665.787.748	20.194.600.227
210	Các khoản phải thu dài hạn		423.248.700	423.248.700
216	Phải thu dài hạn khác	5.9	423.248.700	423.248.700
220	Tài sản cố định		1.300.701.185	1.257.129.188
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	1.214.171.127	1.176.903.019
222	Nguyên giá		2.831.382.775	3.217.670.805
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.617.211.648)	(2.040.767.786)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	86.530.058	80.226.169
228	Nguyên giá		815.209.540	768.209.540
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(728.679.482)	(687.983.371)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		16.670.000.000	18.502.166.250
258	Đầu tư dài hạn khác	5.3(b)	16.670.000.000	18.502.166.250
260	Tài sản dài hạn khác		271.837.863	12.056.089
261	Chi phí trả trước dài hạn		271.837.863	12.056.089
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.504.439.747	154.306.166.657

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		5.388.036.502	3.379.889.893
310	Nợ ngắn hạn		4.998.535.933	2.990.389.324
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.10	239.511.876	429.226.398
315	Phải trả người lao động		3.369.933.066	1.687.139.767
316	Chi phí phải trả	5.11	864.813.056	368.303.454
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		36.572.235	18.014.005
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		487.705.700	487.705.700
330	Nợ dài hạn		389.500.569	389.500.569
333	Phải trả dài hạn khác	5.12	79.500.569	79.500.569
359	Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	5.13	310.000.000	310.000.000
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		154.116.403.245	150.926.276.764
410	Nguồn vốn chủ sở hữu		154.116.403.245	150.926.276.764
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.14	130.000.000.000	130.000.000.000
412	Chiết khấu vốn cổ phần		(2.608.500.000)	(2.608.500.000)
418	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		266.884.955	266.884.955
419	Quỹ dự phòng tài chính		266.884.955	266.884.955
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.191.133.335	23.001.006.854
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.504.439.747	154.306.166.657

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 01a – CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2016 VND	Tại ngày 31.12.2015 VND
6	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ			
6.1	Chứng khoán giao dịch theo mệnh giá		<u>11.701.000.000</u>	<u>4.061.000.000</u>
7	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ theo mệnh giá		<u>64.361.194.000</u>	<u>66.108.194.000</u>
8	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác			
8.1	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.22	<u>19.364.976</u>	<u>41.525.837</u>
9	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác			
9.1	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	5.23	<u>393.480.709.000</u>	<u>134.791.489.200</u>
10	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	5.24	<u>41.376.150.000</u>	<u>38.251.477.179</u>
11	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	5.25	<u>659.998.412</u>	<u>141.374.849</u>

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 02a – CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm		
		2016 VND	2015 VND	
01	Doanh thu	5.15	2.170.502.046	1.961.791.511
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		2.170.502.046	1.961.791.511
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	5.16	(2.690.431.094)	(1.915.524.238)
20	(Lỗ)/lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(519.929.048)	46.267.273
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.17	13.719.336.887	9.985.661.551
22	Chi phí tài chính	5.18	(2.173.775.166)	(1.431.557.932)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.19	(7.359.025.673)	(4.088.836.521)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.666.607.000	4.511.534.371
31	Thu nhập khác		92.197.061	3.673.752
32	Chi phí khác		(97.868.025)	(2.863.752)
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác		(5.670.964)	810.000
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.660.936.036	4.512.344.371
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.20(a)	(470.809.555)	(423.134.268)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.20(a,b)	-	(368.727.081)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.190.126.481	3.720.483.022
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.21	245	286
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.21	245	286

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 03a – CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
		2016 VND	2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.227.288.045	4.378.214.754
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(2.664.291.101)	(2.773.418.212)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(4.739.900.170)	(5.728.679.017)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(42.417.818)	(181.830.494)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	92.197.061	10.928.635
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(667.522.448)	(775.452.803)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.794.646.431)	(5.070.237.137)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	(289.036.294)	(34.100.000)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(134.666.957.761)	(46.238.172.148)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	121.493.782.587	81.844.133.721
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.652.953.318	1.515.308.698
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(10.809.258.150)	37.087.170.271
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	(6.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	(6.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(17.603.904.581)	25.516.933.134
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	67.941.903.872	18.460.653.232
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	50.337.999.291	43.977.586.366

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 05a – CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	130.000.000.000	(2.608.500.000)	72.934.895	72.934.895	26.009.905.766	153.547.275.556
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.879.001.208	3.879.001.208
Cổ tức trả trong năm	-	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 4.13)	-	-	193.950.060	193.950.060	(387.900.120)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	130.000.000.000	(2.608.500.000)	266.884.955	266.884.955	23.001.006.854	150.926.276.764
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.190.126.481	3.190.126.481
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	130.000.000.000	(2.608.500.000)	266.884.955	266.884.955	26.191.133.335	154.116.403.245

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005204 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2006, Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh mới nhất số 09/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 5 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty mẹ”). Công ty mẹ là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 20/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 9 năm 2014. Hoạt động chính của Công ty mẹ là môi giới chứng khoán, tư vấn chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trong năm 2016, Công ty quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (“Quỹ VCHF”) và Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF”).

	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Hoạt động chính	Quỹ thành viên dạng đóng	Quỹ mở
Giấy chứng nhận đăng ký	Số 08/TB-UBCK	Số 11/GCN-UBCK
Vốn điều lệ	145.541.000.000 Đồng	54.314.089.552 Đồng
Giá trị tài sản ròng tại ngày 15 tháng 1 năm 2016 (ngày giải thể Quỹ VCHF)	206.453.682.819 Đồng	-
Giá trị tài sản ròng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	73.133.746.520 Đồng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 17 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 17 nhân viên). Trong đó, số nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ là 6 người:

Nhân viên	Chức vụ	Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số	Ngày cấp
Phạm Gia Tuấn	Tổng Giám đốc	000365/QLQ	13 tháng 7 năm 2009
Cung Trần Việt	Giám đốc Phân tích	000537/QLQ	29 tháng 1 năm 2010
Nguyễn Xuân Giao	Giám đốc Đầu tư	000907/QLQ	6 tháng 11 năm 2012
Phạm Việt Lan Anh	Trưởng phòng Đầu tư	000988/QLQ	4 tháng 7 năm 2013
Trần Đỗ Quyên	Kế toán quỹ	001034/QLQ	20 tháng 11 năm 2013
Phạm Xuân Đồng	Giám đốc Đầu tư	001172/QLQ	11 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

2 NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được soạn lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đơn vị Đồng Việt Nam (“Đồng” hoặc “VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản đầu tư

Công ty không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư và không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư. Do vậy, các khoản đầu tư được ghi nhận là công cụ tài chính thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

(a) Phân loại

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán là các khoản chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỉ lệ thấp hơn 20% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Công ty là cổ đông sáng lập, hoặc đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định của chính sách tài chính, và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận của nhân sự tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban Giám đốc.

(b) Ghi nhận/Chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Công ty cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển đi toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá mua và sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ dự phòng giảm giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức trả bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(c) Đánh giá ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán này. Giá trị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (“HNX”) và Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) là giá kết thúc phiên giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”), thì giá thị trường của các chứng khoán đó được xác định bằng cách tham chiếu giá giao dịch bình quân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Trong những trường hợp khác, Công ty sử dụng giá giao dịch bình quân do ít nhất 3 công ty chứng khoán cung cấp.

Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

4.3 Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

4.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào chi phí trong năm qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

4.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.7 Vốn

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi Công ty mua lại cổ phiếu của Công ty thì khoản tiền bỏ ra để mua sẽ được trừ vào vốn chủ sở hữu dưới hình thức vốn cổ phiếu quỹ cho đến khi các cổ phiếu này được bán ra hoặc phát hành lại hoặc điều chỉnh giảm vốn. Khoản tiền nhận được do bán ra hoặc phát hành lại sẽ được ghi vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành/mua lại cổ phiếu cao hơn/(thấp hơn) mệnh giá được ghi nhận là thặng dư/(chiết khấu) vốn cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(a) Doanh thu hoạt động nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ khác

Công ty hiện đang quản lý Quỹ VCAMBF và các danh mục đầu tư ủy thác. Công ty được hưởng phí quản lý từ quỹ này và các danh mục đầu tư ủy thác nêu trên. Phí quản lý được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của quỹ và mỗi danh mục đầu tư vào ngày cuối tháng.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu hồi là không chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chi phí

Chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

4.10 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

4.11 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4.12 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

4.13 Trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty. Theo Thông tư 146/2015/TT-BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015, hằng năm Công ty phải trích lập cho mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

4.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ không được thể hiện trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 TIỀN**

	Tại ngày	
	30.6.2016	31.12.2015
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	44.296.686	28.212.534
Tiền gửi ngân hàng	4.093.702.605	7.913.691.338
	<u>4.137.999.291</u>	<u>7.941.903.872</u>

5.2 CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng. Chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2016	31.12.2015
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	26.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	20.000.000.000	46.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	200.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	5.000.000.000
	<u>46.200.000.000</u>	<u>60.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(i) Đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần FPT ('FPT')	345.000	14.534.194.595	-	-
Công ty Cổ phần Container Việt Nam ('VSC')	77.000	4.963.935.371	-	-
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ('VLC')	220.000	4.070.196.143	-	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ('PPC')	200.000	3.709.307.138	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ('DBC')	70.000	1.904.763.366	168.000	4.513.609.975
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 ('C32')	30.000	1.453.276.250	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ('HDG')	50.000	1.372.760.754	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam ('CMS')	118.100	1.187.398.430	118.100	1.187.398.430
Tổng Công ty Viglacera - CTCP ('VGC')	60.000	806.708.049	-	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam ('CSM')	-	-	120.000	3.280.263.023
		<u>34.002.540.096</u>		<u>8.981.271.428</u>
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (*)	4.776.119,40	48.000.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000
		<u>82.002.540.096</u>		<u>56.981.271.428</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số lượng chứng chỉ quỹ do Công ty nắm giữ tương đương 80,5% số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ này (Thuyết minh 7(b)).

Trong kỳ, biến động của nguyên giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Mua trong năm VND	Bán trong năm VND	Tại ngày 30.6.2016 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	8.981.271.428	134.666.957.761	(109.645.689.093)	34.002.540.096
Chứng chỉ quỹ mở	48.000.000.000	-	-	48.000.000.000
	<u>56.981.271.428</u>	<u>134.666.957.761</u>	<u>(109.645.689.093)</u>	<u>82.002.540.096</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Tại ngày 30.6.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Dự phòng VND	Số lượng	Dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết				
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ('PPC')	200.000	(829.307.338)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam ('CMS')	118.100	(254.407.040)	118.100	(316.263.023)
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ('VLC')	220.000	(132.196.148)	-	-
Công ty Cổ phần FPT ('FPT')	345.000	(113.194.995)	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô ('HDG')	50.000	(57.761.054)	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ('DBC')	70.000	-	168.000	(95.208.600)
		<u>(1.386.866.575)</u>		<u>(411.471.623)</u>
Đầu tư chứng chỉ quỹ mở				
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	4.776.119	-	4.776.119,40	-
		<u>(1.386.866.575)</u>		<u>(411.471.623)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

Trong kỳ, biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Dự phòng trong kỳ VND	Hoàn nhập trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2016 VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn đã niêm yết	411.471.623	1.386.866.575	(411.471.623)	1.386.866.575
	<u>411.471.623</u>	<u>1.386.866.575</u>	<u>(411.471.623)</u>	<u>1.386.866.575</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn

	Tại ngày 30.6.2016			Tại ngày 31.12.2015		
	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND	Tỷ lệ đầu tư	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư cổ phiếu						
Công ty CP Gemadep Vũng Tàu	10%	960.000	9.600.000.000	10%	960.000	9.600.000.000
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	0,56%	700.000	7.070.000.000	0,56%	700.000	7.070.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ						
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	-	-	0,5%	17,47	1.832.166.250
			<u>16.670.000.000</u>			<u>18.502.166.250</u>

Trong kỳ, biến động nguyên giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Mua trong kỳ VND	Bán trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2016 VND
Đầu tư cổ phiếu	16.670.000.000	-	-	16.670.000.000
Đầu tư chứng chỉ quỹ	1.832.166.250	-	(1.832.166.250)	-
	<u>18.502.166.250</u>	<u>-</u>	<u>(1.832.166.250)</u>	<u>16.670.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.4 PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Phải thu khách hàng là khoản phải thu từ bán khoản đầu tư.

5.5 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Phải thu hoạt động tư vấn quản trị	2.769.000.000	1.870.000.000
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	141.581.014	14.495.946
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(b))	52.446.206	134.688.494
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	-	628.779
	<u>2.963.027.220</u>	<u>2.019.813.219</u>

5.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	155.034.444	352.958.333
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	50.000.000	-
Phải thu người lao động	24.779.653	93.179.443
Phải thu khác	80.287.934	224.038.758
	<u>310.102.031</u>	<u>670.176.534</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản trả trước tiền thuê văn phòng, các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.678.448.281	1.539.222.524	3.217.670.805
Mua trong kỳ	-	242.036.294	242.036.294
Xóa sổ trong kỳ	-	(628.324.324)	(628.324.324)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.678.448.281</u>	<u>1.152.934.494</u>	<u>2.831.382.775</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(559.482.765)	(1.481.285.021)	(2.040.767.786)
Khấu hao trong kỳ	(167.844.828)	(36.923.358)	(204.768.186)
Xóa sổ trong kỳ	-	628.324.324	628.324.324
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(727.327.593)</u>	<u>(889.884.055)</u>	<u>(1.617.211.648)</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	<u>1.118.965.516</u>	<u>57.937.503</u>	<u>1.176.903.019</u>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u><u>951.120.688</u></u>	<u><u>263.050.439</u></u>	<u><u>1.214.171.127</u></u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 810.376.204 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.438.700.528 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)****(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phân mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	768.209.540
Mua trong kỳ	47.000.000
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	815.209.540
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(687.983.371)
Khấu hao trong kỳ	(40.696.111)
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	(728.679.482)
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	80.226.169
	<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	86.530.058
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 534.949.542 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 534.949.542 Đồng).

5.9 PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ thuê văn phòng.

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 1.1.2016 VND	Phát sinh VND	Chi trả VND	Tại ngày 30.6.2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	109.000.000	135.736.000	(109.000.000)	135.736.000
Thuế thu nhập cá nhân	320.226.398	955.840.894	(1.172.291.416)	103.775.876
Thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh 5.20(a))	(774.159.874)	470.809.555	(42.417.818)	(345.768.137)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(344.933.476)	1.562.386.449	(1.323.709.234)	(106.256.261)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm trích trước cho các chi phí hoạt động và chi phí quản lý doanh nghiệp.

5.12 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Phải trả dài hạn khác là dự phòng trợ cấp thôi việc. Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	79.500.569
Chi trả trong kỳ	-
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	79.500.569
	<hr/> <hr/>

5.13 QUỸ DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư được trích lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc Hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.14 VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày	
	30.6.2016	31.12.2015
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký/được cấp phép	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành	13.000.000	13.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	13.000.000	130.000.000.000

5.15 DOANH THU

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.357.360.000	1.090.000.000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	472.891.738	3.937.207
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 7(a)(i))	339.712.880	849.938.866
Doanh thu khác	537.428	17.915.438
	<u>2.170.502.046</u>	<u>1.961.791.511</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.16 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Toàn bộ chi phí hoạt động kinh doanh trong năm là các chi phí phát sinh cho hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động quản lý danh mục đầu tư và hoạt động tư vấn tài chính.

Chi tiết chi phí hoạt động kinh doanh như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	1.870.019.004	1.197.943.010
Chi phí thuê văn phòng và bảo hiểm	268.390.618	298.262.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	83.013.618	89.162.094
Các chi phí khác	469.007.854	330.156.684
	<u>2.690.431.094</u>	<u>1.915.524.238</u>

5.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	11.214.307.458	6.982.059.105
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.818.970.000	641.545.000
Lãi tiền gửi	686.059.429	884.263.697
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	-	1.477.793.749
	<u>13.719.336.887</u>	<u>9.985.661.551</u>

5.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	1.198.380.214	1.431.557.932
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	975.394.952	-
	<u>2.173.775.166</u>	<u>1.431.557.932</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên	5.414.954.388	2.469.357.846
Chi phí thuê và bảo hiểm văn phòng	534.482.588	497.196.610
Chi phí khấu hao tài sản cố định	162.450.679	148.631.679
Chi phí kiểm toán và tư vấn	149.418.000	142.896.700
Chi phí khác	1.097.720.018	830.753.686
	<u>7.359.025.673</u>	<u>4.088.836.521</u>

5.20 THUẾ

(a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.660.936.036	4.512.344.371
Thuế tính ở thuế suất hiện hành 20% (*)	732.187.207	902.468.874
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(363.794.000)	(128.309.000)
Thu nhập chịu thuế suất thông thường	-	17.701.475
Chi phí không được khấu trừ	59.998.530	-
Dự phòng thiếu của năm trước	42.417.818	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>470.809.555</u>	<u>791.861.349</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN hiện hành	470.809.555	423.134.268
Thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 5.20(b))	-	368.727.081
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>470.809.555</u>	<u>791.861.349</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.20 THUẾ (tiếp theo)

(a) Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế. Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế cho giai đoạn đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(* Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và Công văn số 8167/BTC-TCT ngày 22 tháng 6 năm 2011 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20% trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 22% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo. Năm có lợi nhuận đầu tiên của công ty là năm 2006. Thuế suất áp dụng cho Công ty từ năm 2008 đến 2010 là 10%, từ 2011 đến 2016 là 20% và từ năm 2016 trở đi là 20% theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2015.

(b) Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu kỳ	-	368.727.081
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 5.20(a))	-	(368.727.081)
Số dư cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO
TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	3.190.126.481	3.720.483.022
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
	<u>3.190.126.481</u>	<u>3.720.483.022</u>
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>245</u>	<u>286</u>

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản (i)	-	8.195.236
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (ii)	1.621.576	521.854
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc (iii)	16.776.574	32.808.747
Công ty Cổ Phần Otran Miền Nam (iv)	966.826	-
	<u>19.364.976</u>	<u>41.525.837</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước trong kỳ như sau:

(i) Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.195.236	6.488.163
Tăng trong kỳ/năm	5.792.671.181	516.451.534
Giảm trong kỳ/năm	(5.800.866.417)	(514.744.461)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>-</u>	<u>8.195.236</u>

(ii) Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	521.854	-
Tăng trong kỳ/năm	13.355.499.731	61.592.521.854
Giảm trong kỳ/năm	(13.354.400.009)	(61.592.000.000)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>1.621.576</u>	<u>521.854</u>

(iii) Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30.6.2016 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	32.808.747	-
Tăng trong kỳ/năm	103.878.010.825	32.808.747
Giảm trong kỳ/năm	(103.894.042.998)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<u>16.776.574</u>	<u>32.808.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.22 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

(iv) Công ty Cổ phần Otran Miền Nam

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Năm tài chính kết thúc ngày
	30.6.2016	31.12.2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	-	-
Tăng trong kỳ/năm	46.774.245	-
Giảm trong kỳ/năm	(45.807.419)	-
	<u>966.826</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm/năm	<u>966.826</u>	<u>-</u>

5.23 DANH MỤC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	30.6.2016	31.12.2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản Chứng chỉ quỹ mở (theo giá thị trường)	<u>-</u>	<u>5.599.489.200</u>
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt Chứng khoán chưa niêm yết (theo giá thị trường)	<u>259.745.584.000</u>	<u>126.192.000.000</u>
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc Chứng khoán chưa niêm yết (theo giá thị trường)	<u>106.735.125.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
Otran Corporation Vietnam Chứng khoán chưa niêm yết (theo giá thị trường)	<u>27.000.000.000</u>	<u>-</u>
Tổng danh mục của nhà đầu tư ủy thác trong nước	<u>393.480.709.000</u>	<u>134.791.489.200</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.24 CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	38.250.000.000	38.251.477.179
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính và Thương Mại Vạn Lộc	3.126.150.000	-
	<u>41.376.150.000</u>	<u>38.251.477.179</u>

5.25 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhật Bản	-	15.056.885
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt (Thuyết minh 7(b))	316.863.953	90.537.964
Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính & Thương Mại Vạn Lộc	270.807.040	35.780.000
Công ty CP Otran Miền Nam	72.327.419	-
	<u>659.998.412</u>	<u>141.374.849</u>

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Các hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác).

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính.

Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Giám đốc và Tổng Giám Đốc xem xét. Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Công ty cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc các tổ chức tín dụng này hoạt động không hiệu quả.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng, phải thu từ cổ tức và phải thu hoạt động nghiệp vụ. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo Công ty luôn có đủ một lượng tiền và tương đương tiền nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tương đương tiền, chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Công ty vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Công ty thành tiền kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả như sau:

	Dưới 1 năm VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	
Chi phí phải trả	864.813.056
	<u><u>864.813.056</u></u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	
Chi phí phải trả	368.303.454
	<u><u>368.303.454</u></u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

6 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (31.12.2015: 10%) trong khi tất cả các biến số khác, kể cả thuế suất giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 8.280.322.660 Đồng (31.12.2015: 6.344.501.603 Đồng) tương ứng.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện theo nguyên tắc giao dịch song phẳng ngang giá tại ngày định giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính giữa niên độ được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán. Đối với các chứng khoán mà thị trường không giao dịch thì giá trị hợp lý không xác định được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2016 VND	2015 VND
<i>i) Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)</i>		
Phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	41.636.113	604.140.380
Phí quản lý từ Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt	298.076.767	245.798.486
	<u>339.712.880</u>	<u>849.938.866</u>
<i>ii) Mua dịch vụ</i>		
Phí môi giới chứng khoán trả cho Công ty mẹ	380.490.365	140.576.926
	<u>380.490.365</u>	<u>140.576.926</u>
<i>iii) Thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết</i>		
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	1.832.166.250	-
	<u>1.832.166.250</u>	<u>-</u>
<i>iv) Các khoản chi cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.960.000.000	2.000.000.000
	<u>1.960.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
<i>v) Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt	661.365.271	884.263.697
	<u>661.365.271</u>	<u>884.263.697</u>
<p>Tổng số tiền gửi có kỳ hạn phát sinh trong kỳ của Công ty vào Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt là 74.000.000.000 Đồng.</p>		
<i>vi) Nhận đầu tư ủy thác</i>		
Nhận đầu tư ủy thác từ Công ty mẹ	259.745.584.000	126.192.000.000
	<u>259.745.584.000</u>	<u>126.192.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

7 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Công ty có các khoản đầu tư sau đây vào các bên liên quan:

	Tại ngày 30.6.2016		Tại ngày 31.12.2015	
	Số lượng	Nguyên giá VND	Số lượng	Nguyên giá VND
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	-	-	17,47	1.832.166.250
Đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (bằng chứng chỉ quỹ)	4.776.119,40	48.000.000.000	4.776.119,40	48.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư với các bên liên quan như sau:

	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.5)		
Phí quản lý quỹ phải thu từ Quỹ Cân bằng Bản Việt	52.446.206	48.687.436
Phí quản lý quỹ phải thu từ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	-	86.001.058
	<u>52.446.206</u>	<u>134.688.494</u>

Các số dư khác với các bên liên quan

Tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	20.000.000.000	46.000.000.000
Lãi phải thu từ khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	43.638.889	281.050.000
	<u>20.043.638.889</u>	<u>46.281.050.000</u>

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.24)	38.250.000.000	38.251.477.179
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác là Công ty mẹ (Thuyết minh 5.25)	316.863.953	90.537.964

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09a – CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016**

8 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cho các hợp đồng thuê hoạt động văn phòng không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	30.6.2016 VND	31.12.2015 VND
Dưới 1 năm	1.251.296.100	1.557.342.000
Từ 1 đến 5 năm	-	417.098.700
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>1.251.296.100</u>	<u>1.974.440.700</u>

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 5 tháng 8 năm 2016.

Lê Thị Hồng Liên
Người lập

Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Phạm Gia Tuấn
Tổng Giám đốc